

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 - 2021**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

**CD Tiếng Trung Khóa 2019 -2022 (K61) Hệ chính quy**

STT	Tên môn học	Mục tiêu môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Trung tổng hợp 3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cuộc sống, văn hoá thông qua những chủ đề đa dạng. Sinh viên có thể sử dụng những từ ngữ và kết cấu câu được học để nói theo từng chủ đề, đồng thời thể hiện sự lưu loát tự nhiên, hợp lý, linh hoạt các thành phần câu, từ nối câu và các cụm từ chức năng nhằm diễn đạt các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống và ứng dụng vào thực tế giao tiếp.	04	15 tuần, mỗi tuần 4 tiết ( học kỳ 1)	Trắc nghiệm, viết
2	Nghe 3	Học phần gồm các bài khóa có nội dung phong phú, có liên quan mật thiết đến cuộc sống hàng ngày, như thảo luận về lịch trình du lịch, mua từ	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 1)	Trắc nghiệm, viết

STT	Tên môn học	Mục tiêu môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điển điển tử, cũng như các vấn đề xã hội, mục đích là giúp sinh viên thông qua giáo trình giảng dạy tiếp xúc nhiều với môi trường ngôn ngữ, từ đó nâng cao khả năng nghe cũng như củng cố thêm kiến thức vốn có, nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập của sinh viên cũng như giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.			
3	Nói 2	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần học để đạt năng lực giao tiếp tiếng Trung. Kết thúc học phần, sinh viên áp dụng được các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, các cấu trúc ngôn ngữ mang tính chức năng xã hội được tích hợp trong các tình huống và chủ đề quen thuộc nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Trung.	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 1)	Vấn đáp
4	Đọc 2	Học phần tiếp tục cung cấp vốn kiến thức nâng cao hơn về từ vựng, ngữ pháp, mẫu câu theo từng chủ đề riêng	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 1)	Trắc nghiệm, viết

STT	Tên môn học	Mục tiêu môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biết giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, xã hội Trung Quốc từ đó có sự so sánh và liên hệ đến những yếu tố tạo nên đồng hóa khác biệt của Việt Nam.			
5	Cú pháp tiếng Trung	Học phần Cú pháp tiếng Trung Quốc giúp sinh viên nắm vững nội dung về cú pháp: bao gồm định nghĩa câu, phân loại câu, phân tích câu và cách dùng. Ngoài ra sinh viên còn có thể đi sâu vào miêu tả, nghiên cứu đoạn ngữ, các loại câu cụ thể trong tiếng Trung Quốc hiện đại.	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 1)	Trắc nghiệm, viết
6	Nói 3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần học để đạt năng lực giao tiếp tiếng Trung. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được yêu cầu về năng lực giao tiếp tiếng Trung thể hiện qua khả năng tự diễn đạt, khả năng tương tác giao tiếp, phát âm, độ	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 2)	Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục tiêu môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lưu loát và yêu cầu về độ chuẩn xác về mặt ngôn ngữ xã hội, mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi. Sinh viên áp dụng được các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, các cấu trúc ngôn ngữ mang tính chức năng xã hội được tích hợp trong các tình huống và chủ đề nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Trung.			
7	Đọc 3	Học phần này tiếp tục nâng cao năng lực và trình độ đọc hiểu cho người học. Ngoài ra nội dung bài đọc trong giáo trình mang tính ứng dụng, thể loại đa dạng, phong phú, chú trọng tính đương đại, nhằm mục đích giúp người học tiếp xúc và làm quen với những nội dung có thể xuất hiện trong sinh hoạt hằng ngày.	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 2)	Trắc nghiệm, viết
8	Viết 1	Học phần cung cấp kiến thức ngôn ngữ thuộc kỹ năng Viết tiếng Trung ở mức độ thông thường. Thông qua các bài khoá với nhiều hình thức,	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 2)	Trắc nghiệm, viết

STT	Tên môn học	Mục tiêu môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>đề tài viết đa dạng, sinh viên có thể rèn luyện ngữ pháp, kết cấu câu, khả năng liên tưởng và khả năng hành văn, đồng thời cũng giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng viết những bài văn theo chủ đề với nội dung hoàn chỉnh.</p>			
9	Đất nước học	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đất nước, con người, lịch sử, bản sắc dân tộc; hệ thống giá trị, tôn giáo, phong tục tập quán, kinh tế xã hội, hệ thống chính trị, giáo dục của Trung Quốc. Từ đó, sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong tiếp thu ngôn ngữ và trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá. Thông qua tìm hiểu nội dung môn học, nâng cao trình độ thực hành tiếng của sinh viên.</p>	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 2)	Trắc nghiệm, viết
10	Ngôn ngữ học đối chiếu	<p>Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận và kiến thức cơ bản trong đối chiếu các ngôn ngữ loại hình, cấu trúc, ngữ</p>	02	15 tuần, mỗi tuần 2 tiết ( học kỳ 2)	Trắc nghiệm, viết

STT	Tên môn học	Mục tiêu môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghĩa... từ đó sinh viên có khả năng vận dụng so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Trung nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ. Ngoài ra học phần này cung cấp sinh viên một số thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ qua đó hình thành và phát triển khả năng độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học cho sinh viên.			
11	Tiếng Trung tổng hợp 4	Học phần người việc giúp sinh viên phát triển các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ còn bổ sung cho sinh viên các kiến thức về xã hội, văn hoá. Trọng tâm chính của môn học là trang bị cho sinh viên vốn từ vựng cần thiết để có thể làm công cụ giao tiếp. Cụ thể, học phần này cung cấp cho sinh viên 15 đơn vị bài học với những kiến thức cơ bản về cuộc sống thường nhật.	04	15 tuần, mỗi tuần 4 tiết ( học kỳ 2)	Trắc nghiệm, viết

Quảng Bình, ngày tháng năm 2020

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Đã ký)

**ThS. Lê Thị Như Thủy**

**TRƯỞNG KHOA**

(Đã ký)

**TS. Nguyễn Đình Hùng**